

SUPER

SUPER ENGLISH GRAMMAR

HOA KHẮC KIẾN
TRÌNH THIÊN SINH
Biên dịch:
NGUYỄN QUỐC SIÊU

NGŨ PHÁP TIẾNG ANH VÔ ĐỊCH

NÂNG

CAO

NHÀ XUẤT BẢN HÀ NỘI

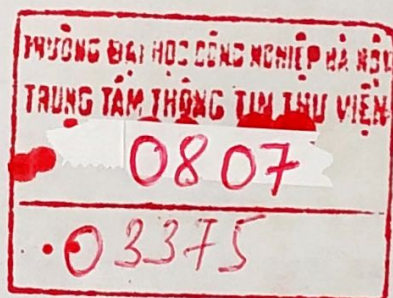


HÒA KHẮC KIÊN – TRỊNH THIÊN SINH
Biên dịch NGUYỄN QUỐC SIÊU

SUPER ENGLISH GRAMMAR

Ngữ pháp tiếng Anh vô địch

CƠ SỞ



NHÀ XUẤT BẢN HÀ NỘI

Lời tựa

Cho lần in đầu tiên

TÁC PHẨM KINH ĐIỂN VỀ NGỮ PHÁP CƠ SỞ

Tiếng Anh là ngôn ngữ thông dụng toàn cầu, cũng là loại chữ viết phổ biến nhất trên thế giới ngày nay. Bởi vậy mà biết bao học sinh khi tìm đến kiến thức, tìm đến việc làm thấy đều mong muốn có được **khả năng tiếng Anh hạng nhất**. Thế nhưng, muốn học giỏi tiếng Anh thì phải **xây dựng cơ sở ngữ pháp chắc chắn**, tựa như việc xây ngôi nhà vậy. Khi đã hiểu được ngữ pháp tiếng Anh thì cũng như là đã có được **khả năng loại suy để học một biết mười**, sau này đọc nói, viết tiếng Anh đều trở nên dễ dàng.

Về ngữ pháp tiếng Anh, thông thường người ta cho rằng nó rất bí hiểm, khó hiểu; do vậy mà cảm thấy nặng nề, nhạt nhẽo. Và người ta sẽ trở nên chùn bước, e ngại. Thực tế thì do tại các sách ngữ pháp tiếng Anh thông thường trước đây biên soạn chưa thoả đáng mà gây nên khó khăn cho mọi người.

Nói chung thì một cuốn sách ngữ pháp tiếng Anh tốt cần phải thể hiện ba nguyên tắc: **đơn giản rõ ràng, sinh động và dễ hiểu**. Đây cũng chính là tư tưởng biên soạn cuốn **Ngữ pháp tiếng Anh vô địch** này. Đồng thời, sách lại do thầy giáo tiếng Anh đã trải qua kinh nghiệm dạy học nhiều năm biên soạn theo hướng giải quyết các vấn đề khó khăn mà học sinh thường gặp trong học tập, do vậy mà nó có những đặc điểm nổi bật, ở những sách ngữ pháp tiếng Anh thông thường trên phố không thể có

Ngữ pháp vô dịch

được. Cụ thể là:

I. Theo chương trình sách tiếng Anh trung học (1 – 3 năm), có sự chỉnh lí hệ thống từ nông đến sâu.

II. Thuyết minh những khái niệm ngữ pháp phức tạp bằng biểu mẫu đơn giản rõ ràng và câu ví dụ phong phú.

III. Đạt tới hiệu quả thấu hiểu nhẹ nhàng bằng cách sơ đồ hoá để phân tích cấu trúc đặc biệt, bằng cách dùng hình ảnh để minh hoạ các khái niệm ngữ pháp trừu tượng.

IV. Chuyên tâm thiết kế các cột mục "thuộc lòng", "chú ý", "so sánh"... có hiệu quả gợi mở trọng điểm.

V. Sau các chương đều có kiểm tra sức học, ghi nhận thành quả học tập.

VI. Cuối sách có sưu tập "**Ngữ pháp tiếng Anh Q và A**" để giải đáp các vấn đề có thể gặp trong quá trình học tập ở các học sinh.

Cuốn sách được biên soạn công phu này sẽ đáp ứng kì vọng chung cho những ai học ngữ pháp tiếng Anh; vì nó đơn giản rõ ràng, sinh động và dễ hiểu. Hi vọng rằng các học sinh trung học mới bắt đầu học tiếng Anh nói chung và các độc giả đã học tiếng Anh nhiều năm song không hiệu quả với cuốn sách này sẽ đạt được cơ sở tiếng Anh¹ tốt với cách học nhẹ nhàng theo lối tham khảo.

Tháng 4 năm 1996

MỤC LỤC

Trang

Chương I - DANH TỪ

1) Phân loại danh từ	19
I. Phân loại danh từ.....	19
2) Số của danh từ	20
I. Số của danh từ.....	20
II. Cách tạo thành danh từ số nhiều.....	21
III. Cách biểu thị lượng danh từ vật chất.....	22
3) Sở hữu cách của danh từ	23
I. Cách tạo thành sở hữu cách của danh từ.....	
* KIỂM TRA HỌC LỰC	25

Chương II - ĐẠI TỪ

1) Đại từ nhân xưng	27
I. Cách dùng đại từ nhân xưng thông thường.....	27
II. Cách dùng đại từ nhân xưng đặc biệt.....	28
2) Đại từ sở hữu	29
I. Cách dùng đại từ sở hữu.....	29
3) Đại từ chỉ định	30
I. Cách dùng cơ bản của đại từ chỉ định.....	31
II. Cách dùng đặc biệt của đại từ chỉ định.....	31
4) Đại từ phản thân - đại từ tương hỗ	32
I. Đại từ phản thân.....	32
II. Đại từ tương hỗ.....	33
5) Đại từ bất định	34
I. Cách dùng <i>one</i>	34
II. Cách dùng <i>some, any</i>	35
III. Cách dùng <i>other, another</i>	37
IV. Cách dùng <i>all, both</i>	38
V. Cách dùng <i>each, every</i>	39
VI. Cách dùng <i>either, neither both</i>	40
VII. Cách dùng <i>many, much</i>	41
VIII. Cách dùng <i>few, a few, little, a little</i>	42
* KIỂM TRA HỌC LỰC	43

Ngữ pháp vô định

Chương III - QUÁN TỪ VÀ SỐ TỪ

1) Quán từ	45
I. Quán từ bất định	45
II. Quán từ xác định	46
III. Trường hợp trước danh từ không dùng quán từ	48
2) Số từ	50
I. Dạng số từ	50
II. Cách dùng số từ	51
III. Cách biểu thị và cách đọc số từ	52
* KIỂM TRA HỌC LỰC	53

Chương IV - TÍNH TỪ

1) Cách dùng tính từ	55
I. Hai loại tính từ	55
II. Vị trí của tính từ	56
III. Điều cần chú ý trong cách dùng tính từ	56
2) Cấp bậc so sánh của tính từ	58
I. Biến đổi quy tắc	58
II. Biến đổi bất quy tắc	59
3) Cách dùng cấp bậc so sánh của tính từ	60
I. Cách dùng nguyên cấp	60
II. Điều cần chú ý trong cách dùng nguyên cấp	61
III. Cách dùng cấp so sánh	61
IV. Điều cần chú ý trong cách dùng cấp so sánh	62
V. Cách dùng cấp tuyệt đối	64
VI. Điều cần chú ý trong cách dùng cấp tuyệt đối	65

Chương V - PHÓ TỪ

1) Phân loại, cách dùng và vị trí phó từ	67
I. Phân loại phó từ	68
II. Cách dùng phó từ	68
III. Vị trí phó từ	69
2) Cấp bậc so sánh của phó từ	71
I. Phó từ nguyên cấp	72
II. Phó từ cấp so sánh	72
III. Phó từ cấp tuyệt đối	73
3) Cách dùng những cặp phó từ thường gặp	75
I. very, much/ vô cùng, rất	75
II. too, either/ cũng	75
III. ago, before/ trước đây	75
* KIỂM TRA HỌC LỰC	77

Chương VI - KHÁI QUÁT VỀ ĐỘNG TỪ

I. Phân loại động từ	81
II. Ngữ động từ	82
III. Dạng cơ bản của động từ	83
IV. Thời thái của động từ	85

**Chương VII - THỜI HIỆN TẠI CỦA ĐỘNG TỪ BE
VÀ ĐỘNG TỪ THÔNG THƯỜNG**

1) Thời hiện tại của động từ be	88
I. Chủ ngữ và động từ be	88
II. Câu phủ định của động từ be	89
III. Câu nghi vấn thông thường của động từ be	89
IV. There is (are) ~	91
2) Thời hiện tại của động từ thông thường	92
I. Chủ ngữ và động từ thông thường	92
II. Câu phủ định của động từ thông thường	93
III. Câu nghi vấn động từ thông thường	94
3) Cách dùng cơ bản của thời hiện tại thông thường	96
I. Biểu thị động tác hoặc trạng thái tồn tại thường xuyên xảy ra	96
II. Biểu thị chân lí phổ biến	96
III. Có những động từ biểu thị trạng thái tâm lí	96
IV. Trong câu phụ trạng ngữ thời gian, điều kiện, biểu thị động tác tương lai	96
V. Biểu thị động tác đã trù liệu hoặc sắp đặt và khẳng định sẽ xảy ra	97
VI. Trường hợp khác	97
* KIỂM TRA HỌC LỰC	98

**Chương VIII - THỜI QUÁ KHỨ CỦA ĐỘNG TỪ BE
VÀ ĐỘNG TỪ THÔNG THƯỜNG**

1) Thời quá khứ của động từ be	101
I. Câu khẳng định thời quá khứ của động từ be	102
II. Câu phủ định thời quá khứ của động từ be	102
III. Câu nghi vấn thời quá khứ của động từ be	103
2) Thời quá khứ của động từ thông thường	104
I. Câu khẳng định thời quá khứ của động từ thông thường	104
II. Câu phủ định thời quá khứ của động từ thông thường	105
III. Câu nghi vấn thời quá khứ của động từ thông thường	105
3) Cách dùng cơ bản của thời quá khứ thông thường	106
* KIỂM TRA HỌC LỰC	108

Ngữ pháp vô đích

Chương IX - THỜI THÁI TIẾP DIỄN

1) Câu khẳng định thời tiếp diễn	110
I. Thời hiện tại tiếp diễn	110
II. Thời quá khứ tiếp diễn	110
2) Câu phủ định và câu nghi vấn thời tiếp diễn	111
I. Câu phủ định thời tiếp diễn	111
II. Câu nghi vấn thông thường thời tiếp diễn	112
III. Câu nghi vấn đặc biệt thời tiếp diễn	112
3) Động từ không có thời tiếp diễn	113
I. Động từ cảm quan biểu thị cảm giác	113
II. Động từ biểu thị thái độ và tình cảm, trạng thái tâm lý và sự tiếp tục	114
III. Khi have (has) dùng với nghĩa "có"	114
4) Cách dùng cơ bản của thời tiếp diễn	114
I. Cách dùng cơ bản thời hiện tại tiếp diễn	114
II. Cách dùng cơ bản thời quá khứ tiếp diễn	116
* KIỂM TRA HỌC LỰC	119

Chương X - THỜI TƯƠNG LAI

I. be going to + động từ nguyên thể ~	122
I. Câu khẳng định	122
II. Câu phủ định	122
III. Câu nghi vấn	123
2) Chủ ngữ + will (shall) + động từ nguyên thể ~	124
I. Câu khẳng định	124
II. Câu phủ định	125
III. Câu nghi vấn	125
3) Phân biệt cách dùng thời tương lai thông thường	127
4) Thời tương lai quá khứ	128
I. Cấu tạo thời tương lai quá khứ	128
* KIỂM TRA HỌC LỰC	129

Chương XI - THỜI HOÀN THÀNH HIỆN TẠI

1) Cấu tạo thời hoàn thành hiện tại	131
I. Câu khẳng định thời hoàn thành hiện tại	132
II. Câu phủ định thời hoàn thành hiện tại	132
III. Câu nghi vấn thời hoàn thành hiện tại	132
2) Cách dùng thời hoàn thành hiện tại	133
I. Kết thúc, kết quả	133
II. Tiếp tục	134
III. Kinh nghiệm	134

3) Những điều cần chú ý khi dùng thời hoàn thành hiện tại.....	135
I. Phân biệt thời hoàn hành hiện tại với thời quá khứ thông thường.....	135
II. Động từ điểm	136
III. have (has) been to và have (has) gone to.....	137
IV. So sánh thời hoàn thành quá khứ với thời hoàn thành hiện tại ..	138
* KIỂM TRA HỌC LỰC	139

Chương XII - TRỢ ĐỘNG TỪ VÀ ĐỘNG TỪ TÌNH THÁI

1) Định nghĩa trợ động từ và động từ hình thái	141
I. Phân loại trợ động từ.....	142
II. Phân loại động từ tình thái.....	142
2) can, may, must.....	143
I. Câu khẳng định can, may, must.....	143
II. Câu phủ định can, may, must.....	145
III. Câu nghi vấn can, may, must.....	146
3) Will you~? và Shall I (we)~?	147
I. Cách dùng Will you~?	148
II. Cách dùng Shall I (we) ~?.....	149
4) would và should.....	150
I. Cách dùng would	150
II. Cách dùng should.....	151
5) have to	151
I. Cách dùng have to.....	151
II. Câu phủ định have to.....	152
III. Câu nghi vấn have to	152
* KIỂM TRA HỌC LỰC	153

Chương XIII - NGỮ THÁI BỊ ĐỘNG

1) Cấu tạo ngữ thái bị động	155
I. Mẫu câu ngữ thái bị động.....	155
II. 10 loại thời thái ngữ thái bị động	155
III. Câu phủ định và câu nghi vấn ngữ thái bị động.....	157
2) Ngữ thái chủ động biến thành ngữ thái bị động	158
I. Cách biến đổi.....	158
3) Mấy loại ngữ thái bị động	159
I. Ngữ thái bị động do ngoại động từ tạo nên	159
II. Ngữ thái bị động do nội động từ + giới từ hoặc phó từ tạo nên....	160
III. Ngữ thái bị động do động từ tình thái tạo nên.....	161

Ngữ pháp vô định

4) Những điều cần chú ý về ngữ thái bị động	162
I. Trường hợp thích hợp với ngữ thái bị động	162
II. Trường hợp ngữ thái chủ động không thể biến thành ngữ thái bị động	162
III. Phân biệt ngữ thái bị động với cấu trúc hệ biểu	163
* KIỂM TRA HỌC LỰC	164

Chương XIV - Bất định thức

1) Chức năng ngữ pháp của bất định thức	168
I. Gách dùng bất định thức làm danh từ	168
II. Cách dùng bất định thức làm phó từ	170
III. Cách dùng bất định thức làm tính từ	172
2) Mấy mẫu câu chính của bất định thức và những điều cần chú ý	174
I. Thức phủ định của bất định thức và mẫu câu "ask (tell) sb (not) to do sth"	174
II. Cấu trúc "từ nghi vấn + bất định thức"	175
III. Trường hợp lược bỏ to trong bất định thức	176
IV. Lược bỏ động từ nguyên thể trong bất định thức	176
V. want, wish, promise, hope + bất định thức	176
VI. too... to ~ / enough to ~	177
VII. It is (was) + tính từ + of (for) sb. to ~	179
* KIỂM TRA HỌC LỰC	180

Chương XV - GIỚI TỪ

1) Phân loại giới từ và cách dùng ngữ giới từ	181
I. Phân loại giới từ	181
II. Cách dùng ngữ giới từ	181
2) Giới từ biểu thị thời gian	182
I. at, on, in	183
II. before, after	184
III. by, until (till)	184
IV. for, during, through	185
V. from, since	185
VI. in, within	186
3) Giới từ biểu thị nơi chốn, phương hướng	186
I. at, in	186
II. on, under, over, above, below	187
III. near, by	188
IV. between, among, around	188
V. in front of, behind	189

Ngữ pháp vô định

VI. in, into, out of.....	189
VII. along, across, through	190
VIII. to, for, from.....	191
4) Những giới từ khác.....	191
I. Giới từ biểu thị thủ đoạn và vật liệu dùng <i>with, in, by</i>	191
II. of, from	192
III. without, like, as	193
IV. against, about.....	193
5) Ngữ giới từ.....	194
I. Động từ + giới từ.....	194
II. Động từ be + tính từ + giới từ	195
III. Giới từ + danh từ	196
* KIỂM TRA HỌC LỰC	197

Chương XVI - LIÊN TỪ

1) Liên từ đẳng lập (song song)	199
I. and: và, vả lại.....	199
II. or: hoặc, hoặc là, nếu không	200
III. but: nhưng, thế mà	200
IV. so, for	201
V. both... and: và, đã... lại cũng.....	201
VI. either...or, neither... nor	202
VII. not only... but also: không những ...mà còn.....	203
2) Liên từ phụ thuộc.....	203
I. That	203
II. when, while, till, until, since.....	204
III. because: bởi vì.....	205
IV. if, though (although).....	205
V. so... that: quá... đến nỗi.....	206
* KIỂM TRA HỌC LỰC	207

Chương XVII - THÀNH PHẦN VÀ MẪU CÂU CƠ BẢN

1) Thành phần câu	209
I. Chủ ngữ	209
II. Vị ngữ	210
III. Biểu ngữ.....	210
IV. Tân ngữ	210
V. Trạng ngữ	211
VI. Định ngữ.....	211

Ngữ pháp vô định

2) Năm mẫu câu cơ bản.....	212
I. Mẫu 1: chủ ngữ + nội động từ : S + V	213
II. Mẫu 2: chủ ngữ + ngoại động từ + tân ngữ: S + V + O.....	213
III. Mẫu 3: chủ ngữ + hệ động từ + biểu ngữ: S + V + P	214
IV. Mẫu 4: chủ ngữ + ngoại động từ + tân ngữ gián tiếp + tân ngữ trực tiếp	214
V. Mẫu 5: chủ ngữ + ngoại động từ + tân ngữ + bổ túc ngữ tân ngữ: S + V (cấp vật) + O + OC.....	216
VI. So sánh mẫu 4 và mẫu 5 (2 tân ngữ và tân ngữ phức hợp)	217
* KIỂM TRA HỌC LỰC.....	218

Chương XVIII- PHÂN LOẠI CÂU

1) Câu trần thuật.....	220
I. Câu phủ định động từ <i>be</i> , động từ thông thường (động từ thực nghĩa), động từ tình thái.....	220
II. Những điều cần lưu ý về cấu trúc phủ định	222
2) Câu cầu khiến.....	224
I. Câu cầu khiến có chủ ngữ ngôi 2	224
II. Câu cầu khiến có chủ ngữ ngôi 1 và 3.....	225
3) Câu cảm thán.....	226
I. Câu cảm thán dẫn từ <i>what</i>	226
II. Câu cảm thán dẫn từ <i>how</i>	227
* KIỂM TRA HỌC LỰC.....	228

Chương XIX - CÂU NGHI VẤN

1) Câu nghi vấn thông thường	
I. Câu nghi vấn thông thường động từ <i>be</i>	230
II. Câu nghi vấn thông thường với động từ tình thái.....	230
III. Câu nghi vấn thông thường với động từ thông thường (động từ thực nghĩa)	231
IV. Câu nghi vấn thông thường thời hoàn thành.....	231
V. Câu nghi vấn thông thường thời hoàn thành quá khứ	231
2) Câu nghi vấn đặc biệt	231
I. Cách dùng đại từ nghi vấn.....	232
II. Cách dùng tính từ nghi vấn.....	233
III. Cách dùng phó từ nghi vấn.....	234
3) Câu nghi vấn lựa chọn	235
I. Câu nghi vấn lựa chọn thông thường	236
II. Câu nghi vấn lựa chọn đặc biệt	236

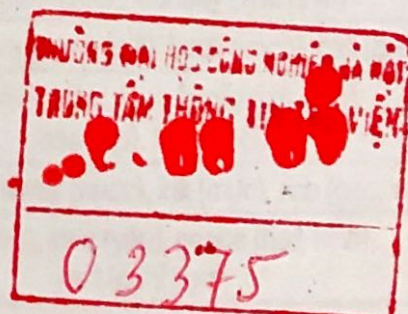
4) Câu nghi vấn phản nghĩa.....	236
1. Câu trần thuật (thức khẳng định); + bộ phận nghi vấn (thức phủ định)?	237
II. Câu trần thuật (thức phủ định); + bộ phận nghi vấn (thức khẳng định)?	238
III. Câu nghi vấn phản nghĩa các loại khác	239
* KIỂM TRA HỌC LỰC	241

Chương XX - CẤU TRÚC CÂU

1) Câu đơn, câu đẳng lập, câu phức-hợp	243
I. Câu đơn	243
II. Câu đẳng lập	244
III. Câu phức hợp.....	244
2) Câu phụ trạng ngữ và câu phụ tân ngữ	244
I. Câu phụ trạng ngữ	245
II. Câu phụ tân ngữ	246
III. Những vấn đề cần chú ý về câu phụ tân ngữ.....	246
* KIỂM TRA HỌC LỰC	248

PHỤ LỤC

1. Quy tắc ngữ pháp cơ bản	249
2. Bảng biến đổi động từ bất quy tắc.....	252
3. Ngữ pháp tiếng Anh Q và A.....	258
4. Bảng đối chiếu giờ các thành phố chính trên thế giới	283
5. Vị trí và tên các bang nước Mĩ	285
6. Tên tiếng Anh thường gặp của các chàng trai	286
7. Tên tiếng Anh thường gặp của các cô gái	287
GIẢI ĐÁP PHẦN KIỂM TRA HỌC LỰC	289



Ngữ pháp vô địch

SUPER ENGLISH GRAMMAR

Ngữ pháp tiếng Anh vô địch

Chịu trách nhiệm xuất bản:

NGUYỄN KHẮC OÁNH

Biên tập:

PHẠM QUỐC TUẤN

In 1000 bản khổ 14,5 x 20,5 tại Nhà in Đại học Quốc gia - Hà Nội
16 phố Hàng Chuối, ĐT: 9719827. Giấy phép xuất bản số 59/XB-QLXB
CXB ngày 28/1/2004. In xong và nộp lưu chiểu quý III năm 2004.

BỘ SÁCH TIẾNG ANH VÔ ĐỊCH

Phần cơ sở

1. *Ngữ pháp tiếng Anh vô địch (cơ sở)*
2. *Nhóm từ tiếng Anh vô địch (cơ sở)*
3. *Từ then chốt tiếng Anh vô địch (cơ sở)*
4. *Hội thoại sinh hoạt tiếng Anh vô địch*

Phần nâng cao

5. *Ngữ pháp tiếng Anh vô địch (nâng cao)*
6. *Nhóm từ tiếng Anh vô địch (nâng cao)*
7. *Từ then chốt tiếng Anh vô địch (nâng cao)*
8. *Đọc thêm tiếng Anh vô địch*



GIÁ: 30.000Đ